

Số: 137/2023/QĐST- HNGĐ

T, ngày 01 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST- HNGĐ ngày 04/5/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn H đều nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn H có 02 con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 15/11/2019.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 15/11/2019. Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Lê Thị T chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014704 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Lê Thị T được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- UBND xã T, huyện T,
tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng